

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2017

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiếp.

2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2016/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2016 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Hương L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Bị đơn: Huỳnh Văn C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 20, đường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên Ngân hàng N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 19-6-2014). (Có đơn xin vắng mặt)

2. Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1965 (vợ ông T);
3. Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1980 (con ông T);
4. Nguyễn Thị Phúc D, sinh năm: 1988 (con ông T);
5. Nguyễn Phúc V, sinh năm: 2000 (con ông T);
6. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1925 (cha ông T).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Phúc D, Nguyễn Văn T và đại diện theo pháp luật của Nguyễn Phúc V là: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1965, địa chỉ: Ấp 2, xã S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 24-5-2017). (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Huỳnh Văn H, sinh năm: 1955 (cha anh C).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2016; khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 3 năm 2017 và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn Võ Thị Hương L: Vào năm 2009 chị L và anh C tổ chức cưới và về sống chung với gia đình cha mẹ chồng tại ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, đến năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trong quan hệ hôn nhân lúc đầu có hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên là Huỳnh Minh H, sinh ngày 26-8-2012 (hiện cháu H đang sống với chị L), nhưng đến tháng 3 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do anh C thường xuyên ăn chơi phóng khoáng, tham gia nhiều tệ nạn xã hội dẫn đến thiếu trách nhiệm làm chồng, làm cha và cũng có rất nhiều lần xúc phạm đánh chị L, nên chị L đã ly thân từ tháng 3 năm 2016 và về nhà cha mẹ ruột ở ấp H, xã P, huyện Tân Hồng sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin được ly hôn với anh Huỳnh Văn C;

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung tên là Huỳnh Minh H, sinh ngày 26-8-2012 và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H trưởng thành.

- Về tài sản chung: Có diện tích đất 19.760m² thuộc các thửa 1281, 1282, 91, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Tân Hồng do anh Huỳnh Văn C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) được UBND huyện Tân Hồng cấp vào ngày 19-5-2016. Phần đất này có được là do vợ chồng trùng số kiến thiết giải đặc biệt nên nhờ cha chồng (Huỳnh Văn H) mua của ông Nguyễn Thanh T, nhưng sau khi mua xong vợ chồng mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp H, xã P, huyện Tân Hồng sinh sống, còn phần đất để lại cho anh C canh tác, nay

đối với phần lợi nhuận mà anh C thu được trong thời gian ly thân chị L không yêu cầu gì cả. Đối với phần đất khi đo đạc thực tế vào ngày 30-12-2016 thì có tổng diện tích là 20.427m², thửa 667m² so với giấy chứng nhận đã nhận chuyển nhượng, nên chị L đã có yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với diện tích đất thừa. Tuy nhiên phần đất thừa này thì sau khi ông Nguyễn Thanh T chết, vợ, con và cha ông T là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ (do Bà Trần Thị Ngọc H - vợ ông T làm đại diện) có tiếp tục kiện và chỉ yêu cầu trả tiền thêm là 30.000.000 đồng, chị L đồng ý một mình chị L trả phần tiền thêm này cho gia đình ông T, không yêu cầu anh C cùng liên đới, đồng thời chị L đồng ý nhập sổ đất thừa này vào tài sản chung, nên có tổng cộng diện tích là 20.427m². Nay chị L yêu cầu chia đôi tài sản chung này, nhưng chỉ xin được nhận giá trị đất, vì chị L không có điều kiện canh tác đất, còn tổng diện tích phần đất thì chị L đồng ý giao cho anh C tiếp tục quản lý, canh tác. Giá trị đất tranh chấp chị L thống nhất là 40.000 đồng/01m².

- Về nợ: Chị L được biết anh C có vay của Ngân hàng N với số tiền là 20.000.000 đồng và đã thế chấp giấy CNQSDĐ diện tích 6.480m² thuộc thửa 1281 tờ bản đồ số 03 là tài sản chung. Nhưng phần nợ này là nợ riêng của anh C, vì anh C vay là trong khoảng thời gian đã ly thân, nên chị L không biết và không đồng ý cùng trả nợ, anh C có nghĩa vụ trả một mình cho Ngân hàng nếu Ngân hàng có yêu cầu.

- Về chi phí đo đạc đất tranh chấp là 3.258.000 đồng chị L đã trả xong cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Hồng (tại bản thanh lý hợp đồng ngày 18-01-2017 – Bút lục 39), và chị L tự nguyện chịu phần chi phí này, không yêu cầu anh C trả lại.

Lời trình bày của bị đơn Huỳnh Văn C trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung, về tài sản và nợ. Tuy nhiên anh C có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh C không thống nhất ly hôn với chị L, vì còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Minh H, sinh ngày 26-8-2012 (hiện nay cháu H đang sinh sống với chị L), nếu như Tòa giải quyết cho ly hôn thì anh C yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, còn nếu giao cho chị L nuôi con thì anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng.

- Về tài sản chung: Thống nhất là có diện tích đất 19.760m² theo giấy CNQSDĐ được cấp cho anh C đứng tên ở các thửa 1281, 1282 và 91, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Tân Hồng theo hợp đồng chuyển nhượng từ chỗ ông Nguyễn Thanh T, nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích của 03 thửa đất nêu trên là 20.427m², thửa 667m² và phần thừa này thì vợ, con và cha của ông T (do bà Trần Thị Ngọc H – vợ ông T làm đại diện) có kiện yêu cầu trả tiền thêm là 30.000.000 đồng, chị L đồng ý một mình trả phần tiền thêm này cho gia đình ông T, anh C thống nhất sự tự nguyện của chị L và đồng ý nhập vào tài sản chung. Như vậy tổng tài sản chung là 20.427m² đất và anh C cho rằng số đất này có được là do mua từ tiền trúng số kiến thiết giải đặc biệt, nên anh C không đồng ý chia đôi theo

yêu cầu của chị L mà để lại cho con, về giá trị đất tranh chấp anh C thống nhất là 40.000 đồng/01m².

- Về nợ: Anh C thừa nhận là có nợ đối với Ngân hàng N số tiền là 20.000.000 đồng vốn gốc, đây là nợ riêng của anh C và anh C thống nhất một mình trả nợ cho Ngân hàng nếu như Ngân hàng có yêu cầu, anh C không yêu cầu chị L phải liên đới trả nợ.

- Về chi phí đo đạc đất: Anh C không đồng ý mà cho rằng ai kiện thì người đó chịu.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N (đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng V, Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đồng Tháp) trong quá trình tố tụng: Cho rằng anh Huỳnh Văn C có vay của Ngân hàng vốn gốc là 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 09021602295 ngày 04-10-2016, theo Tòa án thông báo được biết anh C, chị L ly hôn tại Tòa án, nhưng xét thấy số tiền nợ vay không nhiều, tài sản anh C có khả năng đủ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy trong vụ án này Ngân hàng không yêu cầu anh C trả nợ vay nêu trên, nếu như đến mãn hợp đồng mà anh C không trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền và đại diện theo pháp luật của anh P, chị D, ông T và anh V (là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T)): Ngày 14-4-2016 ông Nguyễn Thanh T (chồng của bà H) đã chết, nhưng trước đó ông Nguyễn Thanh T có thỏa thuận bán cho vợ chồng anh C phần đất diện tích đất 19.760m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho ông T đứng tên. Khi bàn bạc có thống nhất nếu sau này đo có thừa thì trả tiền thêm theo giá thỏa thuận là 50.000 đồng/01m², và nay qua đo đạc thực tế thì phần đất này thừa 667m² nên ông T có đơn yêu cầu độc lập buộc anh C và chị L trả thêm tiền 32.746.000 đồng và tiền lãi là 1.910.000 đồng.

Nay bà H thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu một mình chị L trả thêm tiền phần đất thừa này chỉ là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng sau phân tích nội dung vụ án, nhận thấy: Cần căn cứ các Điều 33, Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Hương L và anh Huỳnh Văn C được ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 26-8-2012 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng*: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm xét xử cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, tự lao động và sinh sống được là phù hợp.

- *Về tài sản chung*: Xét thấy yêu cầu chia đôi tài sản chung của chị L (chị L yêu cầu được hưởng giá trị) là có cơ sở chấp nhận.

- *Đối với yêu cầu của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc trả 30.000.000 đồng phần diện tích đất chênh lệch thừa 667m², không yêu cầu anh C liên đới trả.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Vào ngày 07 tháng 10 năm 2016 và ngày 27 tháng 3 năm 2017 nguyên đơn chị Võ Thị Hương L, sinh năm: 1992, địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp gửi đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” đối với bị đơn anh Huỳnh Văn C; Ngày 17-02-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1954, địa chỉ: Ấp 2, xã S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp khởi kiện yêu cầu độc lập, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy: nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những tranh chấp về “Ly hôn, quyền nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã thụ lý giải quyết trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2017) nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật đất đai để giải quyết vụ án; Trong quá trình tham gia tố tụng thì đến ngày 14-4-2017 ông Nguyễn Thanh T đã chết, nên những người như Trần Thị Ngọc H (vợ ông T), Nguyễn Thanh P (con ông T), Nguyễn Thị Phúc D (con ông

T), Nguyễn Phúc V (con ông T), Nguyễn Văn T (cha ông T) đã kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T tiếp tục tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Qua việc gia đình hai bên tổ chức đám cưới nên chị Võ Thị Hương L và anh Huỳnh Văn C bắt đầu sống như vợ chồng kể từ năm 2009 tại nhà cha mẹ ruột của anh C, ở ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, đến năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, nên hôn nhân của anh C, chị L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L, anh C thừa nhận có thường xảy ra mâu thuẫn, mà bắt đầu là vào việc hai người trúng số kiến thiết giải đặc biệt từ đó bất đồng trong việc sử dụng tiền bạc, nên kể từ tháng 3-2016 chị L ly thân với anh C, về sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp H, xã P, huyện Tân Hồng. Qua quá trình thu thập chứng cứ được biết vào ngày 27-5-2016 chị L đã có gửi đơn xin ly hôn một lần tại Tòa án, sau đó rút đơn khởi kiện và nay tiếp tục khởi kiện ly hôn với anh C, đều đó chứng tỏ rằng chị L đã không còn tình cảm vợ chồng với anh C, và anh C cũng thừa nhận trong quá trình chung sống anh có đánh chị L một vài lần, do đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị L với anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L ly hôn với anh C.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị L và anh C thừa nhận có một con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 26-8-2012. Từ khi anh C, chị L ly thân vào tháng 3-2016 đến nay thì cháu H sống với chị L. Nay chị L, anh C đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, xét thấy: Cháu H từ khi sinh ra đến nay luôn sống kề cận bên chị L và chị L có đủ điều kiện để nuôi con, do đó để ổn định về mặt tinh thần cho cháu H khi chị L, anh C ly hôn, nghĩ cần căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu H cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*", trong vụ án này chị L có yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm, anh C chỉ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy định của điều luật nêu trên thì anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên yêu cầu cấp dưỡng của chị L là có cơ sở, tuy nhiên về mức cấp dưỡng, giữa chị L và anh C không thỏa thuận được mà anh C chỉ tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng. Xét thấy anh C ngoài việc làm ruộng ra thì không còn nghề nghiệp nào khác, nên mức tự nguyện cấp dưỡng của anh C cũng là có cơ sở, nhưng đó là mức cố định, chưa đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho cháu H về sau, nên nghĩ cần lấy mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng 1/2 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, cho đến khi cháu H trưởng thành và có khả năng lao động được, có thể mới đảm bảo được cuộc sống cho cháu H lâu dài.

- Về tài sản chung: Chị L, anh C đều thừa nhận sau khi trúng số kiến thiết giải đặc biệt thì có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Thanh T diện tích 19.760m² (trên giấy CNQSDĐ) tại các thửa 91, 1281, 1282 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, nhưng qua đo đạc thực tế tại biên bản ngày 30-12-2016 (Trích đo khu đất kèm theo ngày 18-01-2017) thì có diện tích 20.427m², thửa 667m², theo ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng là Cơ quan cấp quyền sử dụng đất tại Văn bản ngày 24-4-2017 thì phần đất thửa 667m² vẫn thuộc trong các thửa 91, 1281, 1282 nêu trên và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Huỳnh Văn C đứng tên vào ngày 19-5-2016 đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Đối với diện tích đất thửa 667m² trước đây ông Nguyễn Thanh T, nay là bà Trần Thị Ngọc H cùng con và cha chồng (là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T) cho rằng khi chuyển nhượng không đo thực tế, nên có yêu cầu anh C, chị L trả tiền thêm và qua thỏa thuận nay bà H chỉ yêu cầu một mình chị L phải trả thêm tiền chuyển nhượng của phần đất thửa là 30.000.000 đồng, chị L thì đồng ý tự nguyện một mình đứng ra trả thêm cho vợ và gia đình ông T 30.000.000 đồng của phần đất nhận chuyển nhượng thửa và chị L đồng ý nhập số đất thửa này vào tài sản chung của chị L với anh C, anh C đồng ý với sự thỏa thuận trên. Xét thấy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông T với anh C đã thực hiện sang tên chuyển quyền xong, và với yêu cầu của bà H (đại diện cả các con và cha ông T), cũng như sự đồng ý của chị L là sự tự nguyện thỏa thuận trả tiền thêm trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật đất đai, Điều 697 Bộ luật dân sự 2005, nên ghi nhận.

Như vậy về tài sản chung của chị L, anh C là phần đất lúa có tổng diện tích 20.427m² gồm các thửa 91, 1281, 1282 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp L, xã T, huyện Tân Hồng hiện do anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng, được cấp ngày 19-5-2016, và theo các biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa thì chị L, anh C thống nhất giá trị đất theo chuyển nhượng hiện nay là 40.000 đồng/01m², vậy giá trị tổng phần đất là 817.080.000 đồng. Nay chị L yêu cầu chia đôi và xin nhận giá trị của 1/2 phần đất là 408.540.000 đồng, không yêu cầu gì khác; anh C thì không đồng ý chia mà đề nghị toàn bộ phần đất để lại cho con. Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh C đã thống nhất phần đất nêu trên là tài sản chung, nên ý kiến của anh C là không phù hợp, vì chị L không đồng ý, và lại cháu H còn nhỏ, sẽ còn quyền thừa kế tài sản của cha, mẹ, nên nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc chia đôi phần đất, mỗi người một nửa, tuy nhiên xét thấy chị L là phụ nữ và nuôi con nhỏ, cũng như theo nguyện vọng của chị L là không thể trực tiếp canh tác sản xuất đất được, còn anh C thì từ khi nhận chuyển nhượng được đất đến nay anh C trực tiếp quản lý canh tác, do đó cần giao cho anh C được tiếp tục quyền sử dụng và trực tiếp quản lý canh tác hết phần đất mà anh C đang đứng tên giấy chứng nhận, và anh C có nghĩa vụ thanh toán giá trị 1/2 phần đất cho chị L là 408.540.000 đồng (phần chị L được hưởng), có thể mới phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nợ: Qua ý kiến của người liên quan Ngân hàng N (đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng V, Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh

Đồng Tháp): Cho rằng anh Huỳnh Văn C có vay của Ngân hàng vốn gốc là 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 09021602295 ngày 04-10-2016, theo Tòa án thông báo được biết anh C, chị L ly hôn tại Tòa án, nhưng xét thấy số tiền nợ vay không nhiều, tài sản anh C có khả năng đủ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy trong vụ án này Ngân hàng không yêu cầu anh C trả nợ vay nêu trên, nếu như đến mãn hợp đồng mà anh C không trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện quyết định và tự định đoạt của Ngân hàng không yêu cầu anh C hoặc chị L trả nợ vay trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị L đã chi tạm ứng để xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.258.000 đồng (tại bản thanh lý hợp đồng ngày 18-01-2017 với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Hồng – Bút lục 39), và nay chị L tự nguyện chịu phần chi phí này, không yêu cầu anh C trả lại hoặc cùng chịu. Xét thấy sự tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, nên ghi nhận.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì tiếp tục áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hội đồng xét xử, xét thấy:

+ Đối với phần đất là tài sản chung và được chia cho chị L, anh C mỗi người 1/2 như nêu trên. Tuy nhiên trong đó có 667m² là diện tích đất chị L tự nguyện trả tiền thêm cho gia đình bà H và tự nguyện nhập vào tài sản chung với anh C, mà giá trị phần đất này là 30.000.000 đồng và chị L phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ này, do đó 667m² đất đã được ghép vào chia trong tài sản chung thì không phải chịu án phí. Vậy mỗi người phải chịu án phí trong vụ án như sau:

+ Chị Võ Thị Hương L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm của tổng giá trị phần tài sản được chia là 395.200.000 đồng (đã trừ ra 667m²), tiền án phí của tổng giá trị nghĩa vụ trả cho bà H là 30.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị phần tài sản phải chịu án phí dân sự là 425.200.000 đồng, sẽ bằng 20.000.000 đồng + (4% x 25.200.000 đồng, phần vượt quá 400.000.000 đồng) = 21.008.000 đồng. Vậy tổng cộng tiền án phí sơ thẩm chị L phải nộp là 21.208.000 đồng.

+ Anh Huỳnh Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí của nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tiền án phí dân sự sơ thẩm của tổng giá trị phần tài sản được chia là 395.200.000 đồng (đã trừ ra 667m²) x 5% = 19.760.000 đồng. Vậy tổng cộng tiền án phí sơ thẩm anh C phải nộp là 19.960.000 đồng.

+ Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 28, 35, 39, 74, 91, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 9, 33, 56, 59, 62, 81, 82, 83,

110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 697 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167 của Luật đất đai; Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Hương L được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Võ Thị Hương L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 26-8-2012 (hiện cháu H đang sống với chị L). Anh Huỳnh Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Huỳnh Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Minh H mỗi tháng bằng 1/2 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (21-9-2017) cho đến khi cháu Huỳnh Minh H đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

4. Về tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Hương L về việc chia đôi tài sản chung với anh Huỳnh Văn C đối với phần đất trồng lúa nước, cụ thể như sau:

+ Anh Huỳnh Văn C được tiếp tục thực hiện quyền sử dụng cả diện tích 20.427m² gồm các thửa 91, 1281, 1282 tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (phần anh Huỳnh Văn C được hưởng, hiện do anh Huỳnh Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, được cấp ngày 19-5-2016 và đang trực tiếp quản lý canh tác), có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp: Đường nước, dài 106,1 mét.
- Hướng Tây giáp: Đường nước, dài 59,4 mét.
- Hướng Nam giáp: Đường nước, dài 234,2 mét.
- Hướng Bắc giáp: Đất ông Đào Xuân H, dài 255,8 mét.

(Có sơ đồ đo đạc thực tế ngày 18-01-2017 kèm theo)

+ Anh Huỳnh Văn C có nghĩa vụ thanh toán giá trị 1/2 phần đất nêu trên cho chị Võ Thị Hương L là 408.540.000 đồng (phần chị Võ Thị Hương L được hưởng).

5. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Võ Thị Hương L với bà Trần Thị Ngọc H như sau: Chị Võ Thị Hương L đồng ý trả thêm cho bà Trần Thị Ngọc H (vợ ông Nguyễn Thanh T) và đại diện cho cả các con là Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Phúc D, Nguyễn Phúc V và cha ông T là ông Nguyễn Văn T, số tiền nhận chuyển nhượng đối với phần đất thửa 667m² là: 30.000.000 đồng.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Ghi nhận sự tự nguyện chịu phí phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp trong vụ án của chị Võ Thị Hương L và chị L đã nộp đủ.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Văn C phải nộp 19.960.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

- Chị Võ Thị Hương L phải chịu 21.208.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 5.094.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm do chị L nộp tại các biên lai thu số BN/2013 11135 ngày 20-10-2016, BN/2013 03351 ngày 27-3-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy chị Võ Thị Hương L còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là: 16.114.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T) số tiền tạm ứng án phí là 866.000 đồng tại biên lai thu số BN/2013 03297 ngày 20-02-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

9. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21-9-2017). Riêng người liên quan Ngân hàng N (đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng V, Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đồng Tháp) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

10. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách